TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 938/2024/DS-ST
Ngày: 24/09/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa**: Bà Lê Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 723/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2024/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 463/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn T

; trụ sở: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức Th (Giấy ủy quyền số 2394/2023/UQ-TGĐ ngày 03/8/2023); địa chỉ liên hệ: Số H đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số N đường số H, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Svà lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Đức Th trình bày:

Ngày 10/09/2020 Ông Vũ Thành L có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng). Hợp đồng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do ông L ký ngày 10/9/2020; bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 29/11/2019 (Sau đây được viết tắt là hợp đồng tín dụng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,6%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Vũ Thành L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 34.140.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông Vũ Thành L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Chi tiết lãi, phí được thể hiện tại bản sao kê tóm tắt của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Vũ Thành L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.428.000 đồng (chi tiết tại bảo sao kê tóm tắt). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 27.767.940 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 24/09/2024 ông L còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 27.767.940 đồng; lãi quá hạn: 45.271.658 đồng. Tổng cộng : 73.039.598 đồng. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Thành L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền trên. Kể từ ngày 25/9/2024 yêu cầu ông L phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho ông Vũ Thành L tại địa chỉ số N đường số H, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn, cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 30/7/2024 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cụ thể: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; tống đạt, hòa giải, chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn theo quy định pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử vụ việc.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/9/2020; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, xác định ông Vũ Thành L có sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 24/9/2024 ông L còn nợ số nợ gốc: 27.767.940 đồng; lãi quá hạn: 45.271.658 đồng. Tổng cộng: 73.039.598 đồng, việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông Vũ Thành L đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Vũ Thành L thanh toán toàn bộ khoản nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo thỏa thuận tại hợp đồng đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần Scó đơn khởi kiện yêu cầu ông Vũ Thành L trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 73.039.598 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 5 quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Vũ Thành L không thực tế cư trú tại địa phương, có hộ khẩu tại tổ 1 ấp 11B, Xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác minh nơi cư trú bị đơn tại tỉnh Bình Phước, kết quả xác minh thể hiện ông L có hộ khẩu tại địa phương nhưng bán nhà đi từ năm 2019 đến nay không trở về địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Qua hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn nộp thì ông L có sổ tạm trú tại địa chỉ số: N đường số H, Phường N, quận G ngày 17/7/2019, thời hạn đến ngày 17/7/2021, địa chỉ tại quận Gò Vấp phù hợp với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng. Như vậy, ông L thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông L trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại hợp đồng tín dụng, việc ông L thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ giao dịch sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10/9/2020. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng do ông L ký ngày 10/9/2020; bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 29/11/2019; biểu phí dịch vụ sử dụng thẻ tín dụng; bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Vũ Thành L có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng ngày 10/9/2020. Ông L đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng

30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông Vũ Thành L phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và phù hợp với quy định tại Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng theo hợp đồng tín dụng ký ngày 10/9/2020, thể hiện sau khi được cấp thẻ tín dụng số tiền ông L thực hiện các giao dịch và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 34.140.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Vũ Thành L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.428.000 đồng (chi tiết thể hiện khoản thanh toán tại bản sao kê tóm tắt của Ngân hàng). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/05/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 24 bản điều khoản và điều kiện. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 27.767.940 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ông L không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông L đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 10/9/2020, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; bản điều kiện và điều khoản; các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/09/2024 với số tiền: Nợ gốc: 27.767.940 đồng; lãi quá hạn: 45.271.658 đồng. Tổng cộng : 73.039.598 đồng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, ông Vũ Thành L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ Thành L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/09/2024 với tổng số tiền là: 73.039.598 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 27.767.940 đồng; lãi quá hạn: 45.271.658 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/9/2024 ông Vũ Thành L phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán khoản nợ là 73.039.598 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 3.651.980 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Skhông phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.446.058 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0012941 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Vũ Thành L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Stoàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/09/2024 với tổng số tiền là: 73.039.598 đồng (Bảy mươi ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm chín mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.767.940 đồng; lãi quá hạn: 45.271.658 đồng, phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ông L ký ngày 10/9/2020. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/9/2024 ông L phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Thành L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.651.980 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Skhông phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.446.058 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2023/0012941 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Svà ông Vũ Thành L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế